

Số: 148 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 7 năm 2024

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương quý II năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương quý II năm 2024, như sau:

#### 1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn lũy kế đến Quý II năm 2024 đạt 15.263 tỷ đồng, bằng 59,7% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 121,1% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

a) Thu nội địa đạt 8.884 tỷ đồng, bằng 50,4% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 101,8% so với cùng kỳ năm 2023.

\* Đánh giá một số khoản thu:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 4.812 tỷ đồng, bằng 56,5% dự toán năm, bằng 101,5% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó thu chủ yếu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 4.631 tỷ đồng, bằng 56,4% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 101,5% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 567 tỷ đồng, bằng 76,3% dự toán năm, bằng 102,6% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 2.076 tỷ đồng, đạt 54,4% dự toán năm, bằng 123,9% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 388 tỷ đồng, bằng 72,6% dự toán năm, bằng 121,6% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 257 tỷ đồng, bằng 57,2% dự toán năm, bằng 88,7% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Các khoản thu còn lại đạt 784 tỷ đồng, bằng 21,9% dự toán năm và bằng 68,4% so với cùng kỳ năm trước;

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: đạt 6.358 tỷ đồng, bằng 81,7% so với dự toán năm và bằng 163,9% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt cao so với dự toán tỉnh giao, chủ yếu do giá dầu thô thế giới hiện nay đang ở mức

cao so với giá dầu thô dự toán giao (*giá dầu thô bình quân 6 tháng đầu năm là 89,2 USD/thùng, trong khi giá giao dự toán là 70 USD/thùng*), dẫn đến số thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đạt 56,4% dự toán tính và bằng 101,5% so cùng kỳ năm 2023. Một số khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán giao như: Thu từ khu vực Doanh nghiệp nhà nước (đạt 56,5%), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 76,3%), Thuế thu nhập cá nhân (đạt 72,6%), Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (đạt 65,5%). Tuy nhiên, vẫn có những khoản thu đạt khá thấp như thu tiền sử dụng đất (đạt 10,1%) do các dự án tình triển khai theo kế hoạch chủ yếu thực hiện trong Quý III và Quý IV/2024.

c) Thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 8.089.695 tỷ đồng, bằng 49,8% dự toán năm và bằng 101,8% so với cùng kỳ năm trước.

## **2. Về chi ngân sách địa phương (*chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN*)**

Tổng chi ngân sách địa phương lũy kế đến Quý II năm 2024 đạt 5.380 tỷ đồng, bằng 28,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 93,6% so với cùng kỳ năm 2023; cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương lũy kế đến Quý II năm 2024 là 5.034 tỷ đồng, bằng 30,8% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 100% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 761 tỷ đồng, bằng 14,9% so với dự toán năm và bằng 71,2% so với cùng kỳ năm 2023.

- Chi thường xuyên: 4.268 tỷ đồng, bằng 41% so với dự toán năm và bằng 107,5% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 1.744 tỷ đồng, bằng 43,1% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình: 486 tỷ đồng, bằng 48,2% dự toán năm;

+ Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: 996 tỷ đồng, bằng 55,4% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 279 tỷ đồng, bằng 14,7% dự toán năm;

+ Chi đảm bảo xã hội: 417 tỷ đồng, bằng 52,7% dự toán năm;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 3,14 tỷ đồng, đạt 275,4% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đạt 346 tỷ đồng, bằng 15,5% dự toán năm, bằng 48,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý II năm 2024 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung

thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TT - ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTHien251.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Hoàng Tuấn*  
**Trần Hoàng Tuấn**

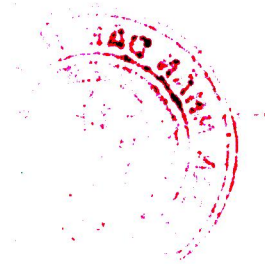


## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2024



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>25.550.600</b>	<b>15.262.728</b>	<b>59,7</b>	<b>121,1</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>25.420.000</b>	<b>15.243.472</b>	<b>60,0</b>	<b>277,4</b>
1	Thu nội địa	17.640.000	8.884.478	50,4	101,8
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	7.780.000	6.358.496	81,7	163,9
4	Thu viện trợ		498		
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>III</b>	<b>Thu vay vốn để bù đắp bội chi</b>	<b>130.600</b>	<b>19.256</b>	<b>14,7</b>	<b>0,0</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>18.594.982</b>	<b>5.379.707</b>	<b>28,9</b>	<b>93,6</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>16.370.720</b>	<b>5.034.156</b>	<b>30,8</b>	<b>100,0</b>
1	Chi đầu tư phát triển	5.095.015	760.759	14,9	72,1
2	Chi thường xuyên	10.414.028	4.268.127	41,0	107,5
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.100	2.130	68,7	310,0
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	3.140	275,4	44,2
5	Dự phòng ngân sách	406.003			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	451.434			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>2.224.262</b>	<b>345.551</b>	<b>15,5</b>	<b>48,4</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>	<b>130.600</b>			
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				



## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>25.550.600</b>	<b>15.262.728</b>	<b>59,7</b>	<b>121,1</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>17.640.000</b>	<b>8.884.478</b>	<b>50,4</b>	<b>101,8</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	8.518.000	4.812.465	56,5	101,5
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	743.000	566.689	76,3	102,6
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.814.000	2.076.167	54,4	123,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	535.000	388.169	72,6	121,6
5	Thuế bảo vệ môi trường	450.000	257.232	57,2	88,7
6	Lệ phí trước bạ	185.000	93.484	50,5	94,0
7	Thu phí, lệ phí	175.000	128.203	73,3	148,4
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.696.000	272.568	10,1	41,3
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		5		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	4.565	38,0	92,6
-	Thu tiền sử dụng đất	2.600.000	228.874	8,8	37,9
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	54.000	34.615	64,1	182,2
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	30.000	4.508	15,0	14,4
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	98.000	69.434	70,9	117,1
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	3.572	178,6	1.476,2
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	112.000	73.405	65,5	129,4
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	12.000	7.144	59,5	77,5
13	Thu khác ngân sách	300.000	135.946	45,3	77,7
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>7.780.000</b>	<b>6.358.496</b>	<b>81,7</b>	<b>163,9</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	7.455.000	5.945.574	79,8	158,9
2	Thuế xuất khẩu	150.000	77.475	51,7	283,5
3	Thuế nhập khẩu	150.000	295.510	197,0	336,2
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		4		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	24.000	38.192	159,1	163,7
6	Thu khác	1.000	1.741	174,1	154,9
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>		<b>498</b>		
<b>V</b>	<b>Thu vay vốn để bù đắp bội chi</b>	<b>130.600</b>	<b>19.256</b>	<b>14,7</b>	
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>16.240.120</b>	<b>8.089.695</b>	<b>49,8</b>	<b>101,8</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	12.711.570	7.301.463	57,4	106,8
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.528.550	788.232	22,3	71,1





## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>18.594.982</b>	<b>5.379.707</b>	<b>28,9</b>	<b>93,6</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>16.370.720</b>	<b>5.034.156</b>	<b>30,8</b>	<b>100,0</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>5.095.015</b>	<b>760.759</b>	<b>14,9</b>	<b>72,1</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.941.015	700.759	14,2	69,0
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	154.000	60.000	39,0	150,0
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>10.414.028</b>	<b>4.268.127</b>	<b>41,0</b>	<b>107,5</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.049.321	1.743.776	43,1	117,1
2	Chi khoa học và công nghệ	30.170	7.419	24,6	80,0
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.007.129	485.534	48,2	122,5
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	137.671	62.416	45,3	90,9
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	42.201	15.394	36,5	120,9
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	48.215	19.096	39,6	118,7
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	204.935	38.638	18,9	51,1
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.896.181	279.162	14,7	62,2
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.798.107	995.611	55,4	118,8
10	Chi bảo đảm xã hội	790.750	416.844	52,7	106,9
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>3.100</b>	<b>2.130</b>	<b>68,7</b>	<b>310,0</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.140</b>	<b>3.140</b>	<b>275,4</b>	<b>44,2</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>406.003</b>			
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>451.434</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>2.224.262</b>	<b>345.551</b>	<b>15,5</b>	<b>48,4</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.129.903	206.214	18,3	78,3
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	723.570	93.067	12,9	21,0
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	370.789	46.270	12,5	610,7

